| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 183/2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025* |

# NGHỊ ĐỊNH
## Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp**

1. Bổ sung khoản 12, khoản 13 sau khoản 11 Điều 3 như sau:

"12. Cây dược liệu trong rừng là những loài thực vật, nấm sinh trưởng, phát triển trong rừng, cung cấp nguyên liệu làm thuốc và các công dụng khác phục vụ chăm sóc sức khỏe con người.

13. Thu hoạch cây dược liệu là quá trình khai thác toàn bộ hoặc một phần bộ phận của cây dược liệu được nuôi, trồng phát triển trong rừng."

2. Bổ sung Mục 4a sau Mục 4 Chương II như sau:

"**Mục 4a**

**NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT**

**Điều 32a. Nguyên tắc nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

1. Việc nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng phải bảo đảm duy trì diện tích rừng, chất lượng rừng, diễn thế tự nhiên và mục đích sử dụng của khu rừng; không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất, dưới lòng đất và tuân thủ theo quy định của Nghị định này.

2. Cây dược liệu nuôi, trồng phát triển trong rừng có đặc điểm sinh thái thích hợp với điều kiện lập địa của khu vực, thuộc danh mục cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc các cây dược liệu khác có giá trị y tế và kinh tế cao ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Không lợi dụng hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu để thu hoạch cây dược liệu tự nhiên trong rừng; sản phẩm cây dược liệu sau thu hoạch phải được vận chuyển ra khỏi rừng, không được ngâm, ủ, sấy, bảo quản và chế biến cây dược liệu trong rừng.

4. Chế độ quản lý về khai thác, điều kiện, cấp mã số cơ sở trồng cấy cây dược liệu thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm trong rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

5. Trường hợp rừng sản xuất là rừng trồng do chủ rừng tự đầu tư, chủ rừng tự quyết định việc nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu nhưng không được thay đổi mục đích sử dụng của khu rừng.

**Điều 32b. Hình thức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

1. Đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ:

a) Chủ rừng là tổ chức được tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan theo phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững;

b) Chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan theo phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Không nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu ở phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên

nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh; những khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn có độ dốc trên 30 độ, vùng bờ biển bị xói lở thuộc rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển. Trường hợp nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu ở khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn có độ dốc trên 30 độ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo đánh giá chi tiết về vị trí, địa điểm có thể nuôi, trồng phát triển cây dược liệu mà vẫn bảo đảm an toàn và khả năng phòng hộ của khu rừng (về ngăn chặn lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ sản xuất nông nghiệp) để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận trước khi phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 32đ và điểm đ khoản 3 Điều 32e Nghị định này.

2. Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu:

a) Chủ rừng là tổ chức được tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan theo phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững;

b) Chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được hợp tác, liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan theo phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tự tổ chức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu tự quyết định việc nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định của pháp luật. Khuyến khích chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm để xây dựng và thực hiện phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu.

**Điều 32c. Phương thức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

1. Phương thức nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng:

a) Đối với rừng đặc dụng: trồng phân tán hoặc trồng theo đám bảo đảm phân bố đều trên lô rừng, tổng diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu không vượt quá một phần ba diện tích lô rừng;

b) Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất: thực hiện theo phương thức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp theo quy định tại Điều 25, Điều 30 Nghị định này.

2. Phương thức thu hoạch cây dược liệu trong rừng:

a) Chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển cây dược liệu được tự quyết định việc thu hoạch cây dược liệu từ việc nuôi, trồng phát triển trong rừng theo quy định của Nghị định này;

b) Trước khi thu hoạch, chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân gửi Phiếu thông tin thu hoạch cây dược liệu đến cơ quan Kiểm lâm sở tại theo Mẫu số 08 tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này để quản lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 32d. Nội dung phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

1. Nội dung phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức.

Nội dung phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này. Nội dung chính của phương án gồm:

a) Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trong khu vực; hiện trạng rừng về diện tích, trữ lượng, chất lượng rừng; hiện trạng, tiềm năng nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu;

b) Xác định mục tiêu, phạm vi, nội dung của phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu;

c) Xác định địa danh, quy mô, diện tích, loài cây dược liệu dự kiến thực hiện nuôi, trồng phát triển, thu hoạch trong giai đoạn thực hiện phương án;

d) Xác định phương thức nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

đ) Luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới bảo đảm không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng; không ảnh hưởng đến tái sinh của rừng trong trường hợp nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu dưới tán rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

e) Xác định hình thức tổ chức thực hiện nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu: tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng;

g) Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển, phục hồi rừng ở khu vực nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

h) Giải pháp và tổ chức thực hiện;

i) Kiểm tra, giám sát.

2. Nội dung phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

Nội dung phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng thực hiện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này. Nội dung chính của phương án gồm:

a) Hiện trạng tài nguyên rừng, loài cây dược liệu, tiềm năng nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu;

b) Xác định địa danh, quy mô, diện tích, loài cây dược liệu dự kiến thực hiện nuôi, trồng phát triển, thu hoạch trong giai đoạn thực hiện phương án;

c) Xác định phương thức nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

d) Luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, không ảnh hưởng đến tái sinh của rừng trong trường hợp nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu dưới tán rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

đ) Xác định hình thức tổ chức thực hiện nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu: tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết;

e) Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển, phục hồi rừng ở khu vực nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

g) Kiểm tra, giám sát.

**Điều 32đ. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức**

1. Chủ rừng xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 32d Nghị định này.

2. Hồ sơ phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng, gồm:

a) Tờ trình của chủ rừng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này (bản chính);

b) Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại khoản 1 Điều này (bản chính);

c) Các loại bản đồ (bản chính) gồm: bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; bản đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016 thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu.

3. Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan chuyên môn được phân công thuộc bộ, ngành đối với chủ rừng là tổ chức thuộc bộ, ngành quản lý hoặc đến Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết để hoàn thiện và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này tổ chức thẩm định bằng hình thức gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này.

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này.

d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến thẩm định của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm hoàn thành thẩm định. Trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.

đ) Trường hợp thẩm định đạt, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn được phân công thuộc bộ, ngành (đối với chủ rừng thuộc bộ, ngành quản lý) hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối

với chủ rừng thuộc địa phương quản lý) quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này. Hồ sơ trình phê duyệt gồm: Tờ trình của bộ phận tiếp nhận hồ sơ; tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; kết quả thẩm định và hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nội dung lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu gồm:

a) Sự phù hợp với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong phương án quản lý rừng bền vững khu rừng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Sự phù hợp về địa điểm, quy mô, tỷ lệ sử dụng diện tích dưới tán rừng; loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch; phương thức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch; thời gian chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu và dự kiến sản lượng thu hoạch, bảo đảm theo quy định tại Điều 32a và Điều 32b Nghị định này;

c) Thời gian và phương thức tổ chức thực hiện;

d) Giải pháp về bảo vệ rừng, phát triển rừng, phục hồi rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và huy động vốn, nguồn lực đầu tư;

đ) Các nội dung khác (nếu có).

5. Cơ quan quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh phương án thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 32e. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư**

1. Chủ rừng xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 32d Nghị định này.

2. Hồ sơ phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ rừng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này (bản chính);

b) Bảng tổng hợp danh sách hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này (bản chính);

c) Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại khoản 1 Điều này (bản chính);

d) Các loại bản đồ (bản chính) gồm: bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; bản đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016 thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu đối với trường hợp chủ rừng hợp tác, liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu hoặc sơ đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu đối với trường hợp chủ rừng tự tổ chức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

3. Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan chuyên môn được phân công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này tổ chức thẩm định bằng hình thức gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của phương án theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này.

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này.

d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến thẩm định của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản

này có trách nhiệm hoàn thành thẩm định. Trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.

đ) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ do cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định này. Hồ sơ trình phê duyệt gồm: Tờ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ; tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; kết quả thẩm định và hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nội dung lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng, gồm:

a) Sự phù hợp của phương án về địa điểm, quy mô, tỷ lệ sử dụng diện tích dưới tán rừng; loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch; thời gian chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu và dự kiến sản lượng thu hoạch, bảo đảm theo quy định tại Điều 32a và Điều 32b Nghị định này;

b) Thời gian tổ chức thực hiện và phương thức thực hiện;

c) Giải pháp về bảo vệ rừng, phát triển rừng, phục hồi rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; giải pháp huy động vốn, nguồn lực đầu tư;

d) Các nội dung khác (nếu có).

5. Cơ quan quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh phương án thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 32g. Cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức**

1. Việc cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu phải được chủ rừng thông báo công khai, rộng rãi trong thời gian tối thiểu là 30 ngày, bằng các hình thức: niêm yết tại trụ sở làm việc; đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có); đăng trên cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp của chủ rừng; một trong các báo chuyên ngành về đấu thầu.

2. Nội dung thông báo gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thông tin chung về chủ rừng;

b) Vị trí, diện tích, địa điểm dự kiến cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu;

c) Tóm tắt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ đăng ký.

3. Chủ rừng tổ chức xây dựng hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. Hồ sơ kỹ thuật trước khi thông báo công khai phải được chủ rừng quyết định phê duyệt, bao gồm các tiêu chí cơ bản sau đây:

a) Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu;

b) Phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu của khu rừng được phê duyệt;

c) Phương án đầu tư tài chính; dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng;

d) Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng;

đ) Cam kết thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu;

e) Ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân đã nhận giao khoán bảo vệ rừng được đánh giá là thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

g) Các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững và tiêu chí khác do chủ rừng quyết định mà không trái với quy định pháp luật.

Các tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật được quy ra số điểm để làm căn cứ đánh giá, lựa chọn với quy định điểm tối thiểu đủ điều kiện đạt của từng tiêu chí; tổng số điểm các tiêu chí đánh giá của hồ sơ kỹ thuật là 100, trong đó quy định tổng điểm tối thiểu đủ điều kiện; tổ chức, cá nhân đủ điều kiện khi đạt được điểm tối thiểu của tất cả các tiêu chí và tổng điểm tối thiểu đủ điều kiện.

4. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu lập hồ sơ đăng ký theo các yêu cầu của chủ rừng được quy định tại khoản 2 Điều này, nộp cho chủ rừng.

5. Đánh giá, lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng

Chủ rừng căn cứ hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm theo tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình.

Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá cho thuê môi trường rừng không thấp hơn 5% tổng doanh thu thực hiện trong năm thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 5% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

6. Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng.

Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng thì không phải thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với diện tích thuê môi trường rừng theo quy định tại Nghị định này. Tiền thuê môi trường rừng là nguồn thu của chủ rừng được sử dụng phục vụ cho hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống cho chủ rừng.

7. Thời gian cho thuê môi trường rừng theo chu kỳ cây trồng nhưng không quá 10 năm, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn, thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê; thời gian kéo dài theo chu kỳ cây trồng nhưng không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

8. Sau khi lựa chọn được tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, chủ rừng thực hiện ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo Mẫu số 09 tại Phụ lục IB kèm

theo Nghị định này và báo cáo kết quả về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để chỉ đạo, theo dõi, giám sát.

9. Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, chủ rừng phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng tài nguyên rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng.

10. Tổ chức, cá nhân được lựa chọn và đã ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trước ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu có nhu cầu thực hiện thêm hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trên phần diện tích đã thuê môi trường rừng thì xây dựng hồ sơ đăng ký gửi chủ rừng để xem xét, đánh giá, nếu đủ điều kiện theo quy định, các bên điều chỉnh, bổ sung nội dung nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu và giá thuê môi trường rừng trong hợp đồng đã ký kết theo quy định tại Điều này; thời gian thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu thực hiện theo quy định tại Điều này.

11. Trường hợp chủ rừng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để đồng thời kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường phải đảm bảo các nội dung được quy định tại Điều này và các nội dung theo quy định về lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại các Điều 14, 23 và 32 Nghị định này.”

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại Nghị định này;

b) Hướng dẫn việc nuôi, trồng và thu hoạch cây dược liệu; phổ biến kỹ thuật nuôi, trồng, phòng, trừ sinh vật gây hại rừng theo quy định của pháp luật;

c) Theo dõi, tổng hợp vướng mắc, kiến nghị của các địa phương, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Y tế:

a) Ban hành, cập nhật, bổ sung danh mục cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao phù hợp với điều kiện thực tiễn;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo phát triển vùng nuôi, trồng phát triển cây dược liệu, tập trung vào các loại dược liệu mà Việt Nam có lợi thế, có giá trị kinh tế cao.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; rà soát, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng tại địa phương theo đúng quy định tại Nghị định này;

b) Chỉ đạo ban hành danh mục cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao ngoài danh mục do Bộ Y tế ban hành, phù hợp với điều kiện ở địa phương và pháp luật khác có liên quan;

c) Hướng dẫn việc nuôi, trồng và thu hoạch cây dược liệu; phổ biến kỹ thuật nuôi, trồng, phòng, trừ sinh vật gây hại rừng theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng; hướng dẫn chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

đ) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng chỉ dẫn địa lý; hướng dẫn, kiểm tra chủ rừng thực hiện các hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại Nghị định này.

e) Triển khai đầy đủ các chính sách hiện hành về phát triển cây dược liệu; chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích đầu tư trong hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

5. Chủ rừng

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo quy định tại Nghị định này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết, thực hiện hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo đúng quy định của pháp luật và Nghị định này. Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho

thuê môi trường rừng, nếu tổ chức, cá nhân không triển khai thực hiện, chủ rừng xem xét chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, trở ngại khách quan trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý và các trường hợp bất khả kháng khác do hai bên thỏa thuận.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2025./.

**TM. CHÍNH PHỦ**
**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Trần Hồng Hà**

**Phụ lục IB**

*(Kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Tờ trình về việc phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức) |
| Mẫu số 02 | Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức) |
| Mẫu số 03 | Quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức) |
| Mẫu số 04 | Đơn đề nghị phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ) |
| Mẫu số 05 | Tổng hợp danh sách hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư tham gia xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ) |
| Mẫu số 06 | Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết theo nhóm hộ) |
| Mẫu số 07 | Quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ) |
| Mẫu số 08 | Phiếu thông tin thu hoạch cây dược liệu trong rừng |
| Mẫu số 09 | Hợp đồng cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng |

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN<br>**TÊN CHỦ RỪNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/TTr-… | *……, ngày… tháng… năm…* |

**TỜ TRÌNH**
**Về việc phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
*(Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)*

Kính gửi: …… (1)……

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày… tháng... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.*

(Tên chủ rừng) kính trình ……(1)…… xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng như sau:

1. Tên phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng, giai đoạn 20…- 20…

2. Tên chủ rừng:

3. Địa chỉ:

4. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng, cây dược liệu (nêu tóm tắt).

5. Mục tiêu phương án:

6. Những nội dung chính thực hiện phương án (nêu tóm tắt).

7. Dự kiến nhu cầu và nguồn vốn thực hiện phương án (nêu tóm tắt).

8. Giải pháp và tổ chức thực hiện phương án (nêu tóm tắt nội dung).

*(Có phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng và bản đồ kèm theo).*

Chủ rừng (tên chủ rừng) kính trình ……(1)…… xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ……;
- Lưu: VT, ……

**CHỦ RỪNG**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

***Ghi chú:*** (1) cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của chủ rừng.

**Mẫu số 02**

# PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

*(Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)*

## MỞ ĐẦU

Nêu sự cần thiết và lý do xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (sau đây viết tắt là phương án)

## Chương I
## CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

### I. CĂN CỨ

1. Căn cứ pháp lý (nêu căn cứ pháp lý quan trọng làm cơ sở xây dựng phương án).

2. Căn cứ thực tiễn (nêu căn cứ thực tiễn đã nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong khu vực).

### II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu giao đất, giao rừng, thuê rừng; quyết định thành lập khu rừng, chức năng, nhiệm vụ của chủ rừng.

2. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, các tài liệu điều tra chuyên đề có liên quan của khu rừng; kế hoạch sử dụng đất của đơn vị.

3. Phương án quản lý rừng bền vững của khu rừng trong giai đoạn đã được phê duyệt.

4. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các loại bản đồ có liên quan khác (nếu có).

## Chương II
## ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị (chủ rừng):.....

2. Địa chỉ (trụ sở làm việc của chủ rừng): xã.....; tỉnh.....

3. Quyết định thành lập; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/chủ rừng hoặc đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật; cơ cấu tổ chức.

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI**

1. Về điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý (tiếp giáp: Đông, Tây, Nam, Bắc); tọa độ: kinh độ; vĩ độ.

b) Khí hậu.

c) Thủy văn.

d) Địa hình.

đ) Thổ nhưỡng.

2. Về phát triển kinh tế

a) Tình hình chung về phát triển kinh tế, sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại trong khu vực và kết nối với địa phương lân cận; tình hình nuôi, trồng phát triển cây dược liệu và thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu trên địa bàn.

b) Tình hình chung về cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của chủ rừng.

c) Tình hình chung về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; sản xuất, kinh doanh của chủ rừng.

3. Về xã hội

a) Tình hình chung về dân số, dân tộc, lao động trong khu vực.

b) Tình hình chung về giáo dục, y tế, trình độ dân trí và khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; xác định những nội dung hay yếu tố gì cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của chủ rừng.

**III. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ TIỀM NĂNG NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

1. Hiện trạng tài nguyên rừng

a) Hiện trạng rừng: loại rừng, diện tích, trạng thái, trữ lượng bình quân; năm trồng, loài cây (đối với rừng trồng) thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng.

b) Hiện trạng tài nguyên cây dược liệu hiện có trong phạm vi lâm phần của chủ rừng (loài cây, diện tích, sản lượng thu hoạch hàng năm,…).

Nhận xét: hiện trạng tài nguyên rừng, tài nguyên cây dược liệu có những thuận lợi, khó khăn gì đối với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

2. Tiềm năng nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Về điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, đất đai,...) phù hợp với nuôi, trồng phát triển các loài cây dược liệu nào.

b) Về phân bố các loài cây dược liệu, đặc biệt là các loài cây quý, hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao (nếu có).

c) Về kinh nghiệm nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu của chủ rừng và của người dân trong khu vực.

d) Về cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm dược liệu trong khu vực.

đ) Về thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu.

Nhận xét: từ hiện trạng về tài nguyên rừng và tiềm năng, thuận lợi gì đối với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch, tiêu thụ cây dược liệu trong rừng; sự phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## Chương III
## MỤC TIÊU, PHẠM VI, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

### I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu:

2. Phạm vi: phạm vi quản lý của chủ rừng theo địa bàn.

3. Thời gian thực hiện phương án: từ năm… đến năm….

### II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

1. Kế hoạch, phương thức trồng và hình thức tổ chức thực hiện nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng

a) Đối với rừng đặc dụng

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán hoặc theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới trong từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

b) Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

- Phương thức nuôi, trồng phát triển:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán, theo băng, theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới trong từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu đảm bảo không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

**Biểu 01: Dự kiến kế hoạch nuôi, trồng phát triển cây dược liệu**

| TT | Loài cây | Chu kỳ canh tác dự kiến (năm) | Tỷ lệ diện tích trồng dưới tán rừng (%) | Phương thức trồng | Diện tích (ha) | Hình thức tổ chức | Khu vực dự kiến trồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):** | | | | | | | |
| 1 | Ví dụ: Cây Sâm Ngọc Linh | 7 | 15 | Phân tán | 10 | Tự tổ chức | Khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh |
| 2 | …. | ….. | …. | ….. | …. | | …… |
| **II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):** | | | | | | | |
| 1 | Ví dụ: Cây Khôi | 10 | 20 | Băng | 5 | Thuê môi trường rừng | Khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh |
| 2 | …… | ….. | …… | ….. | …… | | |
| **III. RỪNG SẢN XUẤT (nếu có)** | | | | | | | |
| 1 | Ví dụ: Cây Ba kích | 5 | 30 | Đám | 15 | Tự tổ chức | Khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh |
| 2 | …. | | | | | | |
| **Tổng (I+II+III):** | | ….. | …. | …… | ..... | | |

2. Kế hoạch thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Loài cây dự kiến thu hoạch (bao gồm các loài thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu).

b) Diện tích dự kiến thu hoạch (ha) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh).

c) Phương thức thu hoạch (thu hoạch toàn bộ cây; thu hái hoa, quả, củ, lá, thân,...).

d) Biện pháp quản lý cây dược liệu sau thu hoạch.

3. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng).

b) Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động).

c) Diện tích, biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với khu vực rừng sau khi kết thúc chu kỳ canh tác nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Về tổ chức sản xuất.

2. Về khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

3. Về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.

4. Về thị trường.

5. Giải pháp khác.

**IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN**

Bao gồm hiệu quả về kinh tế; về xã hội (tạo việc làm cho người lao động và người dân,…); về môi trường.

## Chương IV
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

Mô tả và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng vị trí, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đã xác định trong phương án.

**II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Các nội dung, hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý, địa phương, chủ rừng. Xác định cụ thể các chỉ tiêu kiểm tra, giám sát đối với từng nhiệm vụ, hoạt động.

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Kết luận.

2. Kiến nghị.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ……
- Lưu: VT, ……

**CHỦ RỪNG**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 03**

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN…...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ——— | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/QĐ-… | *..., ngày... tháng... năm....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**V/v phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
*(Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)*

———————

**THỦ THƯỞNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC BỘ..../GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (TP)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Điều 248 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày…. tháng…. năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số…… (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững)……;*

*Căn cứ.....;*

*Xét đề nghị của..... tại.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của……. (tên chủ rừng) giai đoạn:……. với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi của phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của……. (tên chủ rừng) giai đoạn:……..

2. Phạm vi thực hiện của phương án:…

3. Thời gian thực hiện:…

4. Mục tiêu:

5. Kế hoạch nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Rừng đặc dụng;

- Rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

b) Loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

c) Phương thức nuôi, trồng phát triển, chu kỳ canh tác, dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu.

d) Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

đ) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu.

- Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng).

- Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động) trong khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

- Biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với diện tích rừng sau khi nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn thuộc bộ ngành hoặc thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

3. Các cơ quan và địa phương có liên quan

4. …….....

*(Chi tiết thông tin tại phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng kèm theo).*

**Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

…..thống kê các cơ quan, cá nhân trực tiếp liên quan và….. (tên chủ rừng)….. chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- .....;
- Các Sở/cơ quan…;
- …
- Lưu: VT,…

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 04**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*(Tên xã)...., ngày.... tháng..... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (tên xã):.....

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.*

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã *(tên xã)*…… xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng như sau:

1. Họ và tên chủ rừng/trưởng nhóm hộ/người đại diện cộng đồng dân cư:…….....

2. Địa chỉ (Thôn/bản/buôn, xã, tỉnh):……..

3. Nơi cư trú: (Thôn/bản/buôn, xã, tỉnh):……..

4. Số CCCD/CC:……..; ngày cấp:……./……./…….

5. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng;

- Các loại bản đồ, sơ đồ, gồm:……

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã *(tên xã)*…… xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT.

**CHỦ RỪNG/ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*(Tên xã)...., ngày.... tháng.... năm...*

**TỔNG HỢP DANH SÁCH**
**Hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư tham gia xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
Xã..... tỉnh.....
*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

Tên đại diện chủ rừng/trưởng nhóm hộ/cộng đồng dân cư:

Địa chỉ:.....

| TT | Tên chủ rừng | Thôn, bản, làng | Tiểu khu, khoảnh | Lô | Diện tích (ha) | Rừng đặc dụng (ha) | | Rừng phòng hộ (ha) | | Rừng sản xuất (ha) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Rừng tự nhiên | Rừng trồng | Rừng tự nhiên | Rừng trồng | Rừng tự nhiên | Rừng trồng |
| 1 | | | | | | | | | | | |
| | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | | ….. | …… |
| Tổng: | | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ….. | …. |

**XÁC NHẬN CỦA KIỂM LÂM PHỤ TRÁCH ĐỊA BÀN (HOẶC CÁN BỘ NÔNG, LÂM XÃ)[1]**

**ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG/NHÓM HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

[1] Xác nhận về tính chính xác của: tên chủ rừng, địa chỉ, loại rừng và diện tích rừng được giao, cho thuê hoặc đang quản lý không có tranh chấp.

**Mẫu số 06**

**PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN,
THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

---

## MỞ ĐẦU

## Chương I
## ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG

### I. LOẠI HÌNH CHỦ RỪNG

1. Hộ gia đình/cá nhân (hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ), cộng đồng dân cư để xây dựng phương án.

2. Số lượng thành viên tham gia xây dựng phương án (trường hợp liên kết theo nhóm hộ).

### II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, LOÀI CÂY DƯỢC LIỆU HIỆN CÓ TRONG RỪNG

1. Nêu đặc điểm chung về hiện trạng tài nguyên rừng của chủ rừng: hộ gia đình/cá nhân/nhóm hộ/cộng đồng dân cư.

2. Tổng diện tích rừng:.... ha, trong đó:

- Rừng đặc dụng… ha (rừng tự nhiên… ha, rừng trồng… ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);

- Rừng phòng hộ… ha (rừng tự nhiên… ha, rừng trồng… ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);

- Rừng sản xuất… ha (rừng tự nhiên… ha, rừng trồng… ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu).

Diện tích của từng thành viên nhóm hộ/cộng đồng dân cư, gồm: diện tích loại rừng được tổng hợp theo mẫu Biểu 01.

- Cây dược liệu hiện có trong rừng (thống kê các loài cây dược liệu chính): ……

**Biểu 01: Tổng hợp diện tích rừng của hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư**

| Tên chủ rừng | Tổng diện tích (ha) | Rừng đặc dụng (ha)[1] | Rừng phòng hộ (ha) | Rừng sản xuất (ha) |
|---|---|---|---|---|
| (1) | (2=3+4+5) | (3) | (4) | (5) |
| ..... | | | | |
| ..... | | | | |
| **Tổng** | | | | |

## Chương II
## KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

**I. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN:** Từ năm... đến năm...

**II. KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

1. Đối với rừng đặc dụng

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh.

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: phân tán hoặc theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo lô, khoảnh, tiểu khu,…) theo diện tích rừng của chủ rừng.

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

[1] Đối với rừng tín ngưỡng do cộng đồng quản lý.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

*(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)*

2. Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán hoặc theo băng hoặc theo đám dưới tán rừng.

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng diện tích rừng của chủ rừng).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

*(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)*

**Biểu 02: Dự kiến kế hoạch nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng**

| TT | Chủ rừng | Diện tích trồng (ha) | Loài cây trồng | Năm trồng | Chu kỳ canh tác dự kiến (năm) | Phương thức trồng | Khu vực |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):** | | | | …… | | | |
| 1 | Cộng đồng Bản A, xã…., tỉnh/tp | 2,5 | … | 2025 | 8 | Phân tán | Lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh |
| 2 | .... | …... | …. | …. | …… | | |

| TT | Chủ rừng | Diện tích trồng (ha) | Loài cây trồng | Năm trồng | Chu kỳ canh tác dự kiến (năm) | Phương thức trồng | Khu vực |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):** | | | | …… | | | |
| 1 | Đinh Văn B | | | | | | |
| 2 | …… | | | …… | | | |
| **III. RỪNG SẢN XUẤT (nếu có)** | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn C | | | | | | |
| 2 | …. | | | | | | |
| **Tổng (I+II+III):** | | | | ..... | | | |

### III. KẾ HOẠCH THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

Nêu cụ thể các nội dung sau:

1. Diện tích dự kiến thu hoạch:..... ha theo chủ rừng (lô, khoảnh, tiểu khu).

2. Loài cây dược liệu dự kiến thu hoạch.

3. Phương thức thu hoạch dự kiến (thu hoạch toàn bộ cây; thu hái hoa, quả, củ, lá, thân,...).

4. Biện pháp quản lý cây dược liệu sau thu hoạch.

### IV. KẾ HOẠCH BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG Ở KHU VỰC NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU

1. Diện tích rừng quản lý, bảo vệ.

2. Diện tích rừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp tác động) theo chủ rừng và theo địa danh lô, khoảnh, tiểu khu tại khu vực dự kiến nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.

3. Diện tích áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trên diện tích nuôi, trồng phát triển sau khi thu hoạch cây dược liệu theo chủ rừng và theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu,…).

## Chương III
## TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể nhiệm vụ của chủ rừng hoặc trưởng nhóm; ban quản lý nhóm (nếu có) và từng thành viên nhóm (trường hợp liên kết) để xây dựng và thực hiện phương án.

**II. THEO DÕI KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Nội dung theo dõi đánh giá, giám sát bao gồm:

1. Kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân xã, cơ quan Kiểm lâm.

2. Kiểm tra, giám sát định kỳ đối với chủ rừng và thành viên nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ).

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** (nêu các giải pháp thực hiện phương án)

1. Về tổ chức nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ gia đình), cộng đồng dân cư.

2. Hỗ trợ của cơ quan Kiểm lâm.

3. Kiến nghị đối với địa phương.

**CHỦ RỪNG**
**ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 07**

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ——— | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/QĐ-… | *..., ngày... tháng... năm....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**V/v phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

———————

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày…. tháng…. năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số…… (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, nếu có)……;*

*Căn cứ.....;*

*Xét đề nghị của ..... tại.....…..*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của……. (tên chủ rừng/nhóm hộ/cộng đồng dân cư) giai đoạn:……. với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi của phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của……. (tên chủ rừng) giai đoạn:……..

2. Phạm vi thực hiện của phương án: nêu địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu) hoặc số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng, cho thuê đất của chủ rừng.

3. Thời gian thực hiện:…

4. Kế hoạch nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Rừng đặc dụng;

- Rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

b) Loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

c) Phương thức trồng, chu kỳ canh tác dự kiến.

d) Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh).

đ) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu.

- Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng);

- Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động) trong khu vực nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

- Biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với khu vực rừng sau khi thu hoạch cây dược liệu.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng.

2. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp xã.

3. Các phòng, ban và địa phương có liên quan.

4. …….....

*(Chi tiết thông tin tại phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng kèm theo).*

**Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

…..thống kê các cơ quan, cá nhân trực tiếp liên quan và….. (tên chủ rừng)….. chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- .....;
- Các phòng cơ quan…;
- Lưu: VT,…

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 08**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# PHIẾU THÔNG TIN THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

## 1. Thông tin chung

- Tên chủ rừng/chủ nuôi, trồng cây dược liệu[(1)]: .....
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CC/CMND/HC [(2)]:.....
- Địa chỉ chủ rừng [(3)]: .....
- Số điện thoại:.....; Địa chỉ Email: .....
- Khu vực thu hoạch [(4)]: .....
- Diện tích thu hoạch [(5)]:..... ha; Thời gian thu hoạch: từ..... đến.....

## 2. Thông tin cây dược liệu thu hoạch

| TT | Vị trí | | | Tên loài cây dược liệu | | Số lượng (bao, kiện…) | Khối lượng (kg hoặc tấn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Lô | Khoảnh | Tiểu khu, xã, tỉnh | Tên thông thường | Tên khoa học | | | |
| 01 | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | | | |

**CHỦ DƯỢC LIỆU**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đối với tổ chức)*

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ RỪNG**
**(ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỦ DƯỢC LIỆU KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG)**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đối với tổ chức)*

***Ghi chú:***

[(1)] Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân chủ rừng hoặc chủ nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (trường hợp chủ rừng không là chủ nuôi, trồng cây dược liệu).

[(2)] Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

[(3)] Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu đối với cá nhân.

[(4)] Ghi khu vực thu hoạch cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh/thành phố).

[(5)] Ghi diện tích khu vực dự kiến thu hoạch.

**Mẫu số 09**

| | |
|---|---|
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN<br>**BQL RỪNG/TÊN CHỦ RỪNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/HĐ-… | *....., ngày… tháng… năm…* |

**HỢP ĐỒNG CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG**
**Để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
**(tên khu rừng)**
Số: …./năm/HĐ-CTMTR

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày…. tháng…. năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;*

*Các căn cứ của pháp luật khác có liên quan……..;*

*Căn cứ Quyết định số..... về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững khu rừng giai đoạn.....;*

*Căn cứ Quyết định số..... về việc phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng;*

*Liệt kê các văn bản hành chính có liên quan đến việc cho thuê môi trường rừng có liên quan đến hợp đồng;*

*Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,*

Hôm nay, ngày…. tháng... năm…….. tại ……., chúng tôi gồm:

**I. Bên cho thuê môi trường rừng là:**…… **(Bên A)**

- Do ông (bà):……. *(Ghi họ tên, chức vụ, cơ quan)* làm đại diện.
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Tài khoản số:……..; tại Kho bạc Nhà nước.....
- Mã số thuế: .....
- Điện thoại: .....

**II. Bên thuê môi trường rừng là**:…… **(Bên B)**

Do.... ông/bà……. Số CCCD/CC:…….. làm đại diện *(đối với cá nhân).*

Do ông (bà):……...……. *(Ghi họ tên, chức vụ, cơ quan đối với tổ chức)* làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Tài khoản số: ……..; tại .....
- Mã số thuế: .....
- Điện thoại: .....

**III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng với các điều, khoản sau đây:**

**Điều 1. Nội dung:**

1. Diện tích cho thuê môi trường rừng:……. $m^2$ (hoặc ha) *(ghi rõ bằng số và bằng chữ)*, cụ thể:

- Địa điểm (khu vực) cho thuê môi trường rừng (theo số thứ tự được ghi trong phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng và tên địa điểm).
- Vị trí: thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, phân khu *(đối với khu rừng đặc dụng có chia phân khu)*, thuộc địa giới hành chính của xã, tỉnh.
- Vị trí, ranh giới, đặc điểm, hiện trạng tài nguyên rừng được ghi trong biểu đồ, bản đồ, báo cáo thống kê hiện trạng kèm theo và kết quả bàn giao ranh giới của hiện trường để làm căn cứ cho thuê môi trường rừng, kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Mục đích: để sử dụng vào mục đích nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu và bảo vệ, phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng.

3. Thời gian cho thuê môi trường rừng:…. năm (không quá 10 năm), kể từ ngày ký hợp đồng *(ghi rõ ngày, tháng, năm)*, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê; thời gian kéo dài không quá 2/3 thời gian thuê lần đầu.

4. Nguyên tắc cho thuê môi trường rừng:

- Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác định, kê khai doanh thu thực hiện trong phạm vi thuê môi trường rừng.
- Việc cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu không làm thay đổi quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất của khu vực cho thuê.

- Đơn vị thuê môi trường rừng không được xâm hại tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất trong khu vực được thuê.

- Việc sử dụng diện tích trong khu vực thuê môi trường rừng để tổ chức hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu phải thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về Quy chế quản lý rừng.

- Không được chuyển quyền sử dụng đất lâm nghiệp, diện tích rừng.

- Chỉ được thu hoạch các sản phẩm của cây dược liệu từ các hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo phương án được duyệt; không lợi dụng hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu để thu hoạch cây dược liệu tự nhiên trong rừng; sản phẩm cây dược liệu sau khi thu hoạch phải được vận chuyển ra khỏi rừng, không được ngâm, ủ, sấy, bảo quản và chế biến cây dược liệu trong rừng.

- Các trường hợp vi phạm phải được xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

Thực hiện theo nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số…../2025/NĐ-CP ngày… tháng… năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Điều 32a).

**Điều 2. Giá cho thuê môi trường rừng và phương thức thanh toán**

1. Giá cho thuê môi trường rừng theo hợp đồng này là …% trên tổng doanh thu hàng năm của hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong khu vực cho thuê môi trường rừng. Tương ứng với phương án kinh doanh ghi trong hồ sơ đăng ký của Bên B tính ra giá trị tuyệt đối là……. (a) đồng.

Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm doanh thu theo thực tế thấp hơn mức giá trị…….. (a) đồng nêu trên, thì bên B thanh toán đủ cho Bên A số tiền……. (a) đồng.

2. Tiền thuê môi trường rừng được tính kể từ ngày….. và Bên B cam kết thời gian đi vào hoạt động có doanh thu theo đúng hồ sơ đăng ký.

3. Phương thức và thời hạn nộp tiền thuê môi trường rừng: Chuyển khoản một lần trong thời hạn 10 ngày sau khi có báo cáo quyết toán thuế hàng năm được cơ quan thuế xác nhận. Tiền nộp thuế doanh nghiệp theo quy định phải nộp tại cơ quan thuế…… *(ghi cụ thể cơ quan thuế Bên B nộp)*.

4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

5. Ngoài tiền thuê môi trường rừng, bên thuê môi trường rừng khi thực hiện các hoạt động tại Điều 1 còn phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà nước.

**Điều 3. Về nguồn vốn đầu tư**

Toàn bộ nguồn vốn thực hiện dự án…….. do bên thuê môi trường rừng đầu tư.

**Điều 4. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ các bên**

**1. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ Bên A:**

a) Quyền lợi:

Được thụ hưởng đầy đủ tiền cho thuê môi trường rừng theo đúng quy định như hợp đồng đã ký kết.

b) Trách nhiệm và nghĩa vụ:

Bên A đảm bảo việc sử dụng diện tích cho thuê môi trường rừng của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng môi trường rừng đối với diện tích trong hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật.

Cung cấp bản đồ và xác định rõ cho Bên B biết về ranh giới, hiện trạng rừng, diện tích đất lâm nghiệp, loại rừng, số lượng, vị trí trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn Bên B xây dựng hệ thống mốc giới xung quanh khu vực cho thuê môi trường rừng theo ranh giới và số hiệu mốc giới đã được xác định trên bản đồ và cắm mốc ngoài thực địa *(đính kèm Biên bản bàn giao ranh giới, hiện trạng rừng).*

Phối hợp trong công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với khu vực cho thuê môi trường rừng, bảo đảm rừng được bảo vệ và phát triển theo chức năng của khu rừng.

Phối hợp với bên thuê môi trường rừng trong công tác: tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường. Thường xuyên hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát các khu vực có nguy cơ phát sinh các hành vi tác động gây ảnh hưởng xấu và xâm hại đến rừng.

Ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin vào công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng, kiểm tra phương án, kế hoạch phòng chống cháy rừng và cập nhật tình hình bảo vệ, phát triển rừng trong khu vực cho thuê môi trường rừng.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thực thi hợp đồng đối với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong khu vực cho thuê môi trường rừng; kịp thời chấn chỉnh những sai sót, xử lý đúng quy định các vi phạm liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trách nhiệm và nghĩa vụ khác *(do hai bên thỏa thuận)*.

**2. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ Bên B**

a) Quyền lợi:

Được sử dụng môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo đúng quy định của pháp luật.

Được sử dụng, khai thác, định đoạt các tài sản hình thành trên đất do Bên B đầu tư trong khu vực thuê môi trường rừng và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

b) Trách nhiệm và nghĩa vụ:

Sử dụng khu vực thuê môi trường rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đã được phê duyệt trong phương án quản lý rừng bền vững và phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu của khu rừng được phê duyệt và quy định của pháp luật.

Phối hợp với Bên A để được hướng dẫn xây dựng hệ thống mốc giới xung quanh khu vực thuê môi trường rừng theo ranh giới và số hiệu mốc giới đã được xác định trên bản đồ, ngoài thực địa để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu.

Thực hiện đúng quy định các nội dung, hoạt động theo Quy chế quản lý rừng. Chịu trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và có kế hoạch, báo cáo công tác phát triển rừng đối với khu vực thuê môi trường rừng.

Xây dựng hệ thống thu gom rác thải; xử lý nước thải, vận chuyển rác thải theo đúng quy định. Hệ thống nước thải bắt buộc phải xử lý theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học khu vực thuê môi trường rừng; có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn rừng trong khu vực được thuê; chấp hành quy định của pháp luật, chịu sự giám sát và thực hiện nội quy của chủ rừng.

Hàng năm thực hiện việc trả đủ tiền thuê môi trường rừng cho chủ rừng và đúng thời hạn.

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu, tuyên truyền về bảo vệ, phát triển rừng; có trách nhiệm tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào các dịch vụ, ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

Trách nhiệm và nghĩa vụ khác *(do hai bên thỏa thuận)*.

**Điều 5. Chấm dứt hợp đồng**

Hợp đồng cho thuê môi trường rừng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn cho thuê môi trường rừng mà các bên không thống nhất tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê hoặc Bên A xét thấy Bên B không đủ năng lực đáp ứng kéo dài thời gian thuê môi trường rừng;

- Bên thuê môi trường rừng không có nhu cầu, bị phá sản, giải thể, chuyển nhượng hợp đồng;

- Bên thuê môi trường rừng không thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, gây thiệt hại đến đất, rừng trong việc bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và đến các tài nguyên, tài sản khác tại khu vực thuê;

- Do bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, rừng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp;

- Kể từ ngày ký hợp đồng, nếu sau …. tháng mà Bên B không đi vào hoạt động có doanh thu thì Bên A đơn phương thông báo chấm dứt hợp đồng. Bên B phải giải quyết tài sản đã đầu tư trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ra thông báo. Nếu sau thời hạn 12 tháng mà Bên B không giải quyết tài sản đã đầu tư thì Bên A sẽ cưỡng chế theo quy định.

- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận theo quy định hiện hành.

**Điều 6. Khiếu nại, tranh chấp**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ tự giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành. Mọi phí tổn sẽ do bên vi phạm chịu trách nhiệm thanh toán.

**Điều 7. Điều khoản chung**

1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Bên A và Bên B cam kết rằng người đại diện của mỗi bên ký tên dưới

đây là có đầy đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng và thông báo chấm dứt hợp đồng này theo đúng quy định pháp luật.

2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

3. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền cho thuê môi trường rừng 01 bản, kho bạc nhà nước nơi thu tiền cho thuê môi trường rừng 01 bản.

Cam kết khác (nếu có).

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

| | |
|---|---|
| **BÊN THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG** | **BÊN CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG** |
| *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)* | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)* |